

THANH NIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ VỚI VIỆC TIẾP CẬN CÁC DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN

Nguyễn Tuấn Anh

Viện Nghiên cứu Thanh niên

TÓM TẮT

Bằng việc sử dụng bảng hỏi điều tra với 450 thanh niên dân tộc thiểu số tại hai tỉnh miền núi phía Bắc là Bắc Kạn và Sơn La, bài viết đã trình bày khái quát về thực trạng tiếp cận các dịch vụ và chính sách đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản của thanh niên vùng dân tộc thiểu số. Kết quả cho thấy, thanh niên dân tộc thiểu số hiện gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận dịch vụ và các chính sách liên quan đến y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục. Bên cạnh đó, bất cập trong một số chính sách cũng đã được chỉ ra. Đây là những căn cứ quan trọng để gợi ý và làm cơ sở khoa học cho việc kiến nghị chính sách nhằm ngày càng nâng cao khả năng hỗ trợ, giúp đỡ thanh niên dân tộc thiểu số tiến bộ và cải thiện đời sống.

Từ khóa: thanh niên, dân tộc thiểu số, chính sách, dịch vụ xã hội.

1. MỞ ĐẦU

Miền núi, vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam chiếm 3/4 diện tích tự nhiên của cả nước, dân số khoảng 25 triệu người, trong đó đồng bào các dân tộc thiểu số có trên 13 triệu người, chiếm 14.3% dân số cả nước [1]. Người dân tộc thiểu số tập trung chủ yếu ở các địa bàn khó khăn (vùng cao và miền núi) với các hạn chế về cơ sở hạ tầng, đời sống thấp, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản khó khăn và có tỷ lệ hộ nghèo khá cao, chiếm 47% tổng số người nghèo và 68% nghèo cùng cực toàn quốc. Kết quả đo lường nghèo đa chiều theo 5 lĩnh vực (giáo dục, y tế, nhà ở, điều kiện sống, tiếp cận thông tin) từ Điều tra thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2015 cho thấy, khả năng tiếp cận giáo dục, nước sạch và thông tin của người

dân tộc thiểu số có tỉ lệ thiếu hụt cao nhất [3].

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm, phát triển vùng dân tộc thiểu số, miền núi, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và phát triển bền vững. Hệ thống chính sách, pháp luật hỗ trợ phát triển về kinh tế, xã hội, xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng vùng dân tộc thiểu số không ngừng được hoàn thiện, các chương trình phát triển được đưa vào chiến lược và các chương trình mục tiêu quốc gia chung theo từng giai đoạn. Những chính sách đã phần nào đem lại những kết quả tích cực đối với đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và đặc biệt góp phần giúp cho các đối tượng thanh niên dân tộc thiểu số có cơ hội và điều kiện được phát triển. Tuy nhiên, thực tế còn một số

Tác giả liên hệ: TS. Nguyễn Tuấn Anh

Email: tuananhtwd@gmail.com

vấn đề bất cập trong việc thực hiện các chính sách cũng như khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân vùng dân tộc thiểu số nói chung và thanh niên dân tộc thiểu số nói riêng còn rất lớn, trong khi, cộng đồng này luôn phải đối diện với nhiều nguy cơ đe dọa như dịch bệnh, nghèo đói, dân trí thấp. Vì vậy, bài viết mong muốn bàn luận và gợi mở thêm về vấn đề chính sách hỗ trợ thanh niên dân tộc thiểu số trong thời gian tới thông qua việc tìm hiểu ý kiến của chính bản thân thanh niên dân tộc thiểu số.

2. GIỚI THIỆU VỀ MẪU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên một mẫu gồm 450 thanh niên dân tộc thiểu số, tuổi từ 16 – 30, hiện đang sinh sống, học tập và làm việc tại hai tỉnh Bắc Kạn và Sơn La theo nguyên tắc thuận tiện. Trong đó: *theo giới tính*: Nam chiếm 64.4%; nữ chiếm 35.6%. *Theo trình độ học vấn*: tốt nghiệp tiểu học chiếm 4.4%; tốt nghiệp THCS chiếm 28.7%; tốt nghiệp THPT chiếm 38.2%; tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng chiếm 24.2% và tốt nghiệp đại học chiếm 4.2%. Nghiên cứu được thực hiện trong năm 2019.

Việc chọn mẫu được thực hiện theo nguyên tắc thuận tiện với số mẫu hạn chế. Chính vì vậy, các kết luận mang tính khái quát và suy rộng từ nghiên cứu này cần cân nhắc thận trọng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là bảng hỏi tự khai báo, với nội dung xoay quanh các vấn đề như:

- Thực trạng tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục, giải trí... của thanh niên dân tộc thiểu số tại địa phương.

- Những khó khăn thanh niên dân tộc thiểu số gặp phải trong tiếp cận các dịch vụ y tế và giáo dục tại địa phương.
- Đề xuất của thanh niên dân tộc thiểu số trong việc nâng cao khả năng tiếp cận các chính sách bảo đảm dịch vụ xã hội cơ bản.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Thực trạng tiếp cận các dịch vụ xã hội của thanh niên dân tộc thiểu số tại địa phương

3.1.1. Về khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

Khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trong nghiên cứu này được hiểu đơn giản đó là khả năng “có thể đến được” với dịch vụ và có thể được “hưởng lợi” từ dịch vụ đó. Tìm hiểu về khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của thanh niên dân tộc thiểu số hiện nay, kết quả điều tra cho thấy, mức độ tiếp cận các dịch vụ này của nhóm đối tượng thanh niên dân tộc thiểu số nhìn chung ở mức trung bình (điểm $\bar{X}_{\text{chung}} = 2.02/3.00$). Trong đó, các dịch vụ liên quan đến y tế và chăm sóc sức khỏe được thanh niên dân tộc thiểu số đánh giá là có xu hướng dễ tiếp cận nhất (với điểm $\bar{X} = 2.28$). Dịch vụ liên quan đến lĩnh vực thể dục, thể thao được thanh niên đánh giá là khó tiếp cận nhất ($\bar{X} = 1.73$).

Xem xét theo điểm phần trăm, có tới 42.0% thanh niên dân tộc thiểu số đánh giá rằng họ cảm thấy dễ dàng, thuận lợi trong tiếp cận các dịch vụ về trợ giúp và tư vấn pháp lý. Trái lại, một tỉ lệ trên dưới 1/2 thanh niên đánh giá việc tiếp cận các dịch vụ thể dục thể thao và bưu chính viễn thông là rất khó tiếp cận được (tỉ lệ

lần lượt là 50.9% và 49.8%). Đáng lưu ý, không có thanh niên dân tộc thiểu số nào cảm thấy khó khăn trong tiếp cận các dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe (0%).

Bảng 1. Khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của thanh niên dân tộc thiểu số

Các lĩnh vực	Mức độ (Đơn vị tính: %)			$\bar{X}$
	Khó tiếp cận	Bình thường	Dễ dàng, thuận lợi	
1. Y tế, chăm sóc sức khỏe (trạm y tế xã, bệnh viện huyện, tỉnh,...)	0	72.2	27.8	2.28
2. Vui chơi giải trí, nhà văn hóa xã/thôn, báo chí, phát thanh, truyền hình)	24.5	39.3	36.2	2.11
3. Thể dục thể thao	50.9	25.1	24.0	1.73
4. Bưu chính viễn thông (thư từ, internet, mạng điện thoại di động,...)	49.8	26.0	24.2	1.74
5. Trợ giúp, tư vấn pháp luật	18.2	39.8	42.0	2.24
Chung				2.02

Nguồn: Khảo sát của đề tài (2019)

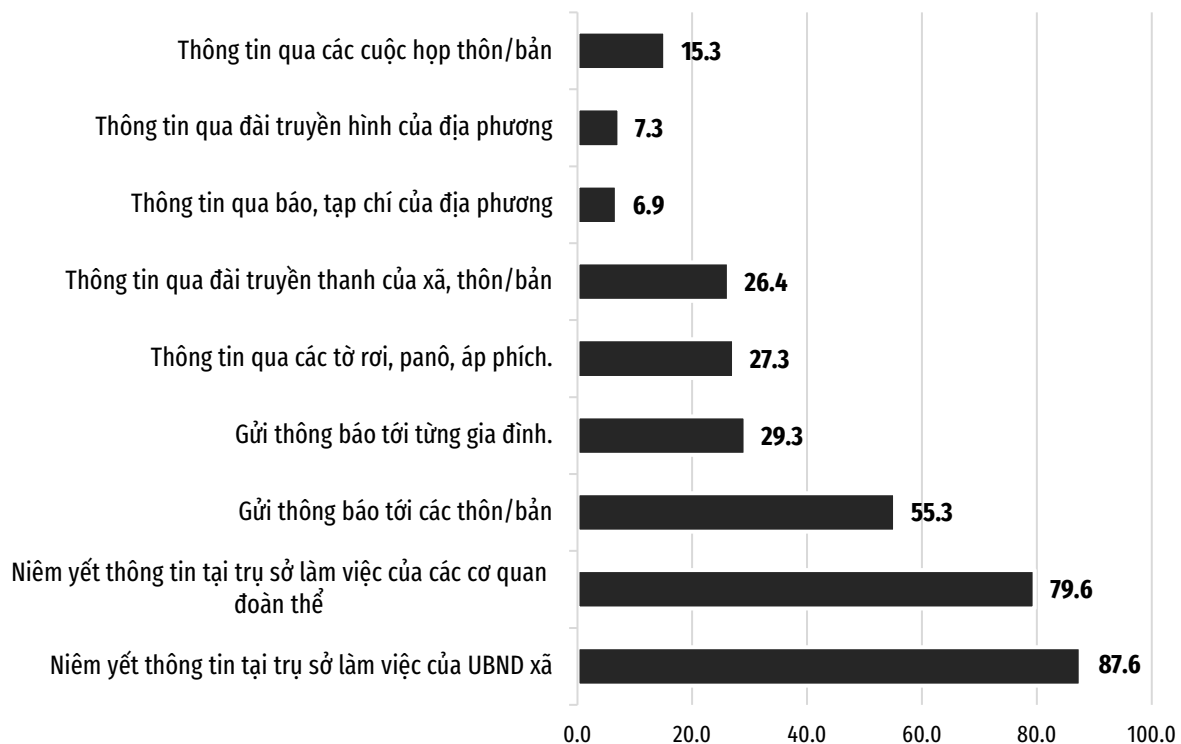
3.1.2. Về cách thức thông tin các chủ trương, chính sách đến thanh niên dân tộc thiểu số

Hiện nay, tại các địa bàn dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa, các hình thức và phương tiện thông tin liên lạc cũng đã được cải thiện và tiến bộ hơn rất nhiều. Thậm chí tại nhiều nơi, việc áp dụng các hình thức thông tin liên lạc hiện đại cũng đã được thực hiện. Kết quả khảo sát cho thấy, có 03 hình thức thông tin được trên 1/2 thanh niên được khảo sát đánh giá là kênh thông tin chính để nắm bắt về các chủ trương, chính sách đảm bảo các dịch vụ xã hội đó là:

- (1) Hình thức niêm yết thông tin tại trụ sở làm việc của UBND xã (87.6%).
- (2) Niêm yết thông tin tại trụ sở làm việc của các cơ quan đoàn thể (79.6%).

- (3) Gửi thông báo cụ thể đến các thôn bản (55.3%).

Ngoài 03 kênh thông tin chính nêu trên, còn một số hình thức khác cũng đóng vai trò như “cầu nối” các chủ trương chính sách đến thanh niên dân tộc thiểu số có thể kể đến như: gửi thông báo tới từng gia đình; thông tin qua các tờ rơi, pano, áp phích; thông tin qua đài truyền thanh của xã, thôn bản; qua các cuộc họp thôn bản. Tuy nhiên, những hình thức kể trên đều không được số đông thanh niên lựa chọn (tỉ lệ đều dưới 30.0%). Thậm chí, có hai hình thức thông tin là qua đài truyền hình địa phương và qua các báo, tạp chí của địa phương còn chỉ chiếm tỉ lệ dưới 10.0%. Điều này cho thấy, nhiều hình thức truyền thông còn chưa phát huy được hiệu quả trong tuyên truyền chính sách và thu hút sự quan tâm của thanh niên dân tộc thiểu số.



Hình 1. Cách thức thông tin đến thanh niên dân tộc thiểu số về các chủ trương, chính sách đảm bảo các dịch vụ xã hội (Đơn vị tính: %)

Nguồn: Khảo sát của đề tài (2019)

3.2. Những khó khăn thanh niên dân tộc thiểu số gặp phải trong tiếp cận các dịch vụ xã hội tại địa phương

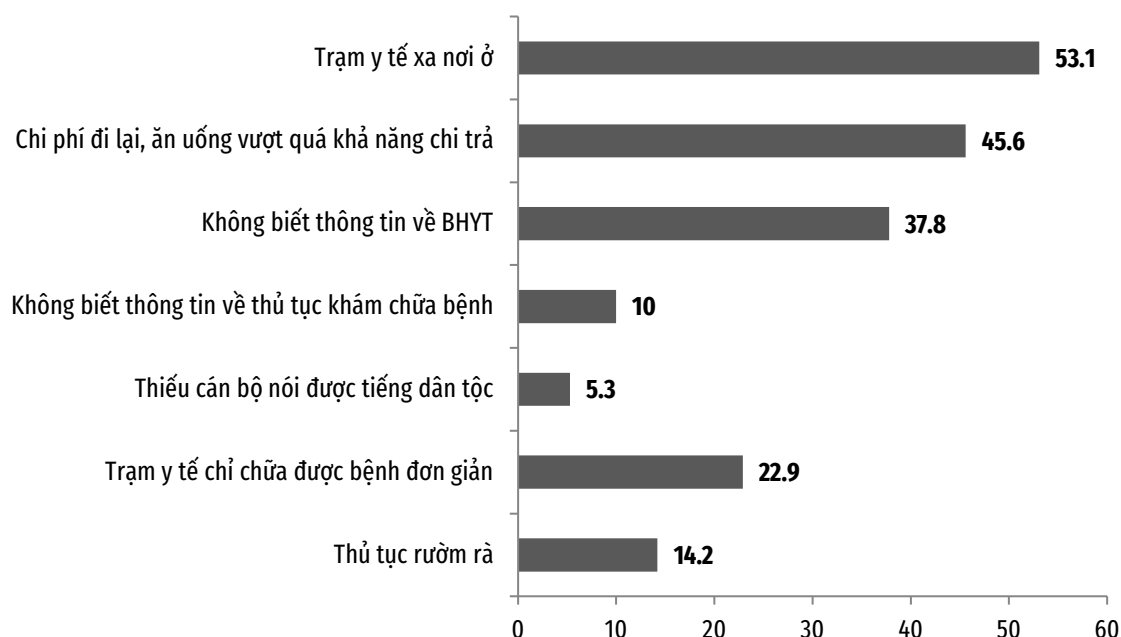
Tìm hiểu về những khó khăn của thanh niên dân tộc thiểu số trong tiếp cận các dịch vụ xã hội tại địa phương, chúng tôi tìm hiểu trên hai lĩnh vực:

- (1) Lĩnh vực dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe
- (2) Lĩnh vực giáo dục

3.2.1. Khó khăn trong tiếp cận dịch vụ y tế

Như phân tích ở trên, việc tiếp cận các dịch vụ y tế không gây khó khăn cho thanh niên dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, sau khi đã tiếp cận được thì trong quá trình sử dụng dịch vụ, thanh niên vẫn gặp phải một số khó khăn trở ngại. Cụ thể: “Trạm y tế xa nơi ở” và “Chi phí đi lại, ăn uống

trong quá trình khám chữa bệnh vượt quá khả năng chi trả” là khó khăn lớn nhất của trên dưới thanh niên dân tộc thiểu số tham gia khảo sát (tỷ lệ lần lượt 53.1% và 45.6%). Bên cạnh đó, 37.8% thanh niên không biết đến những thông tin về bảo hiểm y tế trong quá trình khám chữa bệnh. Một số những khó khăn khác tuy tỷ lệ không cao nhưng ít nhiều cũng gây ra những khó khăn cho đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và thanh niên dân tộc thiểu số nói riêng trong quá trình khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế như: trạm y tế chỉ chữa được các bệnh đơn giản; thủ tục hành chính rườm rà; không biết thông tin về thủ tục khám chữa bệnh; thiếu cán bộ y tế nói được tiếng dân tộc...



Hình 2. Những khó khăn thanh niên dân tộc thiểu số gặp phải trong quá trình tiếp cận các dịch vụ y tế (Đơn vị tính: %)

Nguồn: Khảo sát của đề tài (2019)

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, một số bất cập về chính sách hiện nay cũng gây ra những khó khăn nhất định cho thanh niên dân tộc thiểu số trong tiếp cận các dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe.

Về chăm sóc sức khỏe sinh sản và sức khỏe

tình dục: Hơn 1/2 thanh niên cho rằng, việc cung cấp thông tin, tư vấn phục vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho thanh niên còn hạn chế và 40.9% cho biết kiến thức, kỹ năng cơ bản về bảo vệ chăm sóc sức khỏe sinh sản, tình dục của thanh niên còn hạn chế. 43.6% thanh niên còn cho rằng, việc giáo dục sức khỏe sinh sản, tình dục chủ yếu tập trung vào những thanh niên đã kết hôn mà chưa chú ý đến nhóm thanh niên chưa kết hôn.

Về chăm sóc sức khỏe tiền hôn nhân và vấn đề

tảo hôn/hôn nhân cận huyết: Chương trình giáo dục sức khỏe tiền hôn nhân chủ yếu

tập trung vào các cặp vợ chồng, chưa chú trọng đến vị thành niên, thanh niên chưa kết hôn (41.1%) và việc tuyên truyền về tác hại của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống cho thanh niên chưa hiệu quả cao (37.8%).

Về chăm sóc sức khỏe và phòng ngừa HIV/

AIDS: Công tác tuyên truyền, phòng ngừa, giáo dục về tác hại của thuốc phiện chưa đi đến từng làng, bản và gia đình (45.8%); Công tác phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống HIV/AIDS còn chưa phù hợp với khả năng nhận thức của người dân (31.6%) và công tác tuyên truyền về tác hại của rượu, bia, thuốc lá cho thanh thiếu niên còn hạn chế (28.9%).

Bên cạnh đó vấn đề bất cập còn xuất phát từ phía cán bộ y tế tại địa phương gây khó khăn trong thủ tục thanh toán bảo hiểm và khám chữa bệnh của thanh niên.

Bảng 2. Một số vấn đề về công tác chăm sóc sức khỏe cho thanh niên tại địa phương

Các vấn đề	Mức độ (Đơn vị tính: %)			$\bar{X}$
	Hoàn toàn không đồng tình	Ít đồng tình	Hoàn toàn đồng tình	
Chăm sóc sức khỏe sinh sản				
Dịch vụ cung cấp chăm sóc sức khỏe sinh sản cho thanh niên chưa đa dạng	14.9	50.4	34.7	2.20
Việc giáo dục kỹ năng sống, giảng dạy về chăm sóc sức khỏe sinh sản cho thanh niên chưa được quan tâm	8.2	64.7	27.1	2.19
Một bộ phận cán bộ làm công tác kế hoạch hóa gia đình còn hạn chế về năng lực chuyên môn	8.9	51.6	39.6	2.31
Việc cung cấp thông tin, tư vấn phục vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho thanh niên còn hạn chế	0.9	48.9	50.2	2.49
Kiến thức, kỹ năng cơ bản về bảo vệ chăm sóc sức khỏe sinh sản, tình dục của thanh niên còn hạn chế	3.6	55.6	40.9	2.37
Giáo dục sức khỏe sinh sản, tình dục chủ yếu tập trung vào các cặp vợ chồng chưa chú ý đến thanh niên chưa kết hôn	4.9	51.6	43.6	2.39
Chăm sóc sức khỏe tiền hôn nhân và tảo hôn/hôn nhân cận huyết				
Chương trình giáo dục sức khỏe tiền hôn nhân chủ yếu tập trung vào các cặp vợ chồng, chưa chú trọng đến vị thành niên, thanh niên chưa kết hôn	20.4	38.4	41.1	2.21
Việc tuyên truyền về tác hại của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống cho thanh niên chưa hiệu quả cao	27.6	34.7	37.8	2.10
Công tác chăm sóc sức khỏe phòng ngừa HIV/AIDS				
Công tác tuyên truyền, phòng ngừa, giáo dục về tác hại của thuốc phiện chưa đi đến từng làng, bản và gia đình.	24.4	29.8	45.8	2.21
Công tác phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống HIV/AIDS còn chưa phù hợp với khả năng nhận thức của người dân	21.3	47.1	31.6	2.10
Công tác tuyên truyền về tác hại của rượu, bia, thuốc lá cho thanh thiếu niên còn hạn chế	31.3	39.8	28.9	1.98
Vấn đề cán bộ y tế tại trạm y tế				
Thanh niên phải trả thêm một khoản phí để được quan tâm hơn khi khám chữa bệnh tại bệnh viện huyện/tỉnh	22.7	54.7	22.7	2.00

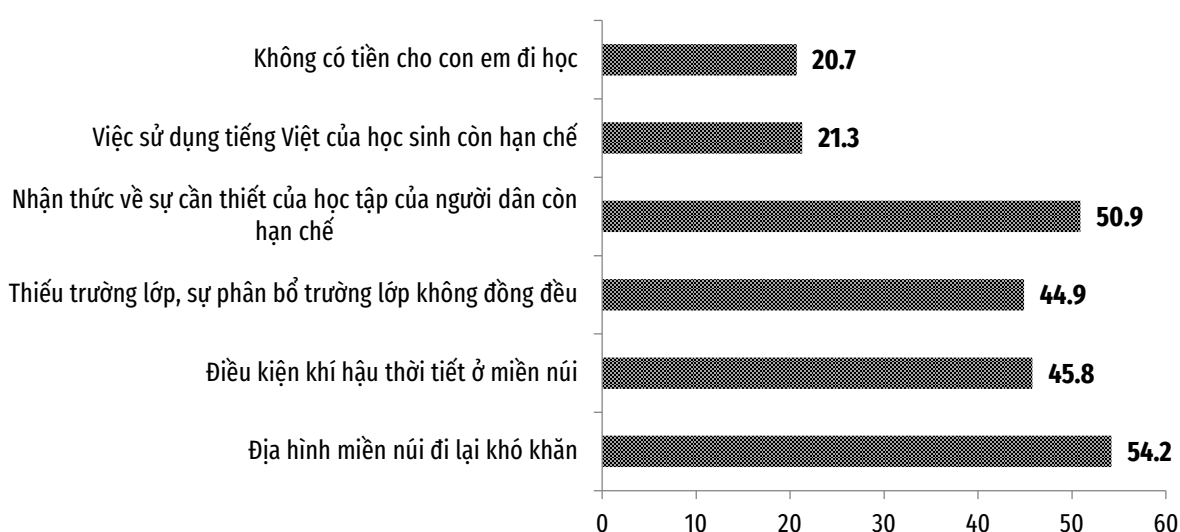
Các vấn đề	Mức độ (Đơn vị tính: %)			$\bar{X}$
	Hoàn toàn không đồng tình	Ít đồng tình	Hoàn toàn đồng tình	
Cán bộ y tế tại trạm y tế còn hạn chế trong việc sử dụng trang thiết bị hiện đại	17.8	52.7	29.6	2.12
Thanh niên phải trả thêm một khoản phí để làm các thủ tục bảo hiểm được nhanh chóng	28.4	33.3	38.2	2.10

Nguồn: Khảo sát của đề tài (2019)

3.2.2. Khó khăn trong tiếp cận dịch vụ giáo dục

Hiện nay, giáo dục và đào tạo vùng dân tộc thiểu số và miền núi nổi lên một số vấn đề đáng quan tâm, đó là tỷ lệ biết đọc, biết viết của người dân tộc thiểu số chỉ đạt 79.2% trong khi cả nước là 94.7%. Tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số đi học trung học cơ sở đạt 83.9%, rtt chỉ đạt 41.8% [2]. Mặt khác, kết quả khảo sát đã phản ánh rất rõ nét những khó khăn mà thanh niên dân tộc thiểu số hiện nay đang gặp phải. Một tỉ lệ khá cao (trên dưới 50%) thanh niên dân tộc thiểu số cho rằng địa hình miền núi đi lại khó khăn; nhận

thức về sự cần thiết của việc học của người dân còn hạn chế hay hiện tượng thiếu, phân bố trường lớp không đồng đều là những khó khăn lớn nhất cản trở khả năng tiếp cận các dịch vụ giáo dục của người dân tộc thiểu số nói chung và thanh niên dân tộc thiểu số nói riêng. Những lý do mang tính xã hội khác là việc sử dụng tiếng Việt của người dân tộc còn hạn chế và điều kiện kinh tế không đủ đáp ứng được việc học cũng là những nguyên nhân quan trọng góp phần làm nên rào cản của thanh niên dân tộc thiểu số trong quá trình tiếp cận các dịch vụ giáo dục.

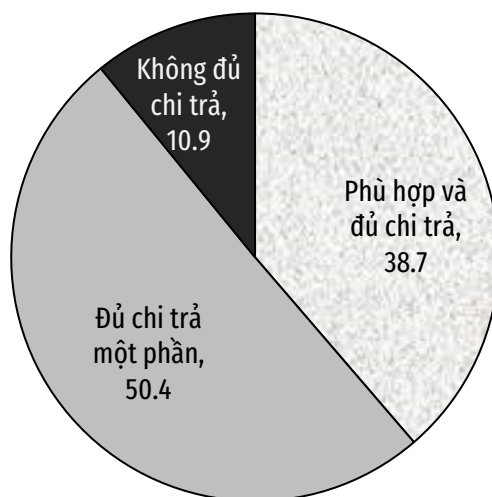


Hình 3. Những khó khăn thanh niên dân tộc thiểu số gặp phải trong quá trình tiếp cận các dịch vụ giáo dục (Đơn vị tính: %)

Nguồn: Khảo sát của đề tài (2019)

Bên cạnh đó, cuộc khảo sát cũng tìm hiểu cảm nhận của thanh niên về mức hỗ trợ học bổng cho học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số là 1.1 triệu đồng/tháng, kết quả cho thấy, đại đa số thanh niên cảm nhận rằng mức hỗ trợ trên đã có thể giúp ích cho cuộc sống của các em, trong đó

28.7% đánh giá mức hỗ trợ trên là đủ để chi trả các hoạt động của đời sống và 50.4% đánh giá mức hỗ trợ này giúp chi trả được một phần chi tiêu. Chỉ có khoảng 10.9% thanh niên dân tộc thiểu số đánh giá mức hỗ trợ này là quá thấp, không đủ chi trả.



Hình 4. Ý kiến của thanh niên dân tộc thiểu số về mức hỗ trợ học bổng cho học sinh, sinh viên miền núi và vùng khó khăn (Đơn vị tính: %)

Nguồn: Khảo sát của đề tài (2019)

3.3. Đề xuất của thanh niên dân tộc thiểu số trong việc nâng cao khả năng tiếp cận các chính sách bảo đảm dịch vụ xã hội cơ bản

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành và thực hiện rất nhiều chính sách nhằm phát triển mọi mặt đời sống, xã hội đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và thanh niên dân tộc thiểu số nói riêng. Đến nay, đời sống vật chất và tinh thần của thanh niên được ghi nhận là ngày càng được cải thiện. Các quyền cơ bản của thanh niên về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, giáo dục, chăm sóc y tế... được đảm bảo. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau cả chủ quan và khách quan, đời sống của thanh niên dân tộc thiểu số nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn, mặt bằng dân trí thấp, còn có khoảng cách đáng kể giữa miền xuôi và miền ngược. Việc thể chế quyền của thanh niên bằng pháp luật cũng như

cơ chế thực hiện quyền của thanh niên dân tộc thiểu số còn không ít bất cập....

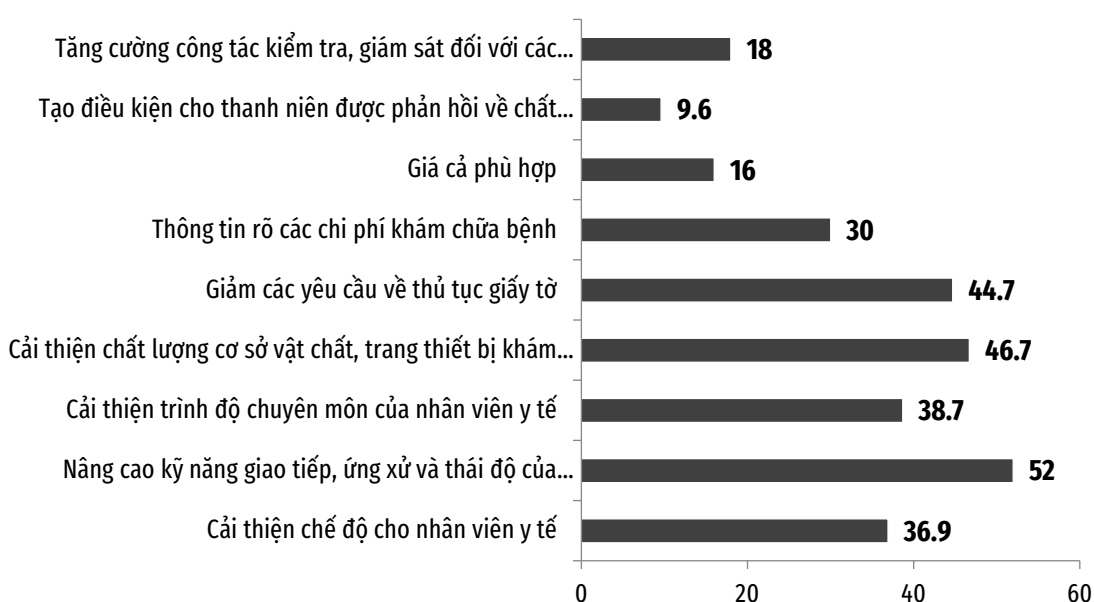
Kết quả điều tra cho thấy, phần lớn các nội dung đều cần thiết được quan tâm và ở các mức độ khác nhau, nhưng cần tập trung vào một số nhóm vấn đề sau:

- Đa dạng hóa các hoạt động truyền thông, như lập trạm thu phát sóng truyền thanh cơ sở để cập nhật các thông tin tại cộng đồng (48.0%).
- Phổ biến các mô hình, các tấm gương “thành công” (trong học tập và nghề nghiệp) của thanh niên ở địa phương (37.1%).
- Thông tin về các chương trình hỗ trợ, chính sách cử tuyển, cơ hội học tập cần phải được phổ biến rộng rãi cho mọi đối tượng được biết (32.7%).

Bảng 3. Ý kiến của thanh niên về một số vấn đề cần tập trung quan tâm trong thời gian tới (Đơn vị tính: %)

Vấn đề cần tập trung	Tỷ lệ
1. Khuyến khích thanh niên tự vươn lên	27.8
2. Tạo dựng niềm tin và động lực cho thanh niên phấn đấu học tập ở trình độ cao chứ không chỉ dừng lại “học chỉ đủ để biết chữ”.	31.1
3. Thông tin về các chương trình hỗ trợ, chính sách cử tuyển, cơ hội học tập cần phải được phổ biến rộng rãi cho mọi đối tượng được biết.	32.7
4. Đa dạng hóa các hoạt động truyền thông, như lập trạm thu phát sóng truyền thanh cơ sở để cập nhật các thông tin tại cộng đồng.	48.0
5. Sử dụng phương tiện truyền thông như loa phát thanh trong khi đưa thông tin về cơ sở, thay vì chỉ chuyển theo đường công văn.	23.6
6. Phổ biến các mô hình, các tấm gương “thành công” (trong học tập và nghề nghiệp) của thanh niên ở địa phương.	37.1
7. Cần hỗ trợ, tạo điều kiện để thanh niên có cơ hội tiếp cận giáo dục, y tế, việc làm	28.9
8. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức người dân tôn trọng sự đa dạng và khác biệt văn hóa giữa các dân tộc để tạo sự tự tin cho thanh niên dân tộc tham gia các hoạt động	35.8

Nguồn: Khảo sát của đề tài (2019)



Hình 5. Ý kiến của thanh niên về giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế (Đơn vị tính: %)

Nguồn: Khảo sát của đề tài (2019)

Đặc biệt trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe hiện nay, trước thực tế công tác chăm sóc sức khỏe tại tuyến y tế cơ sở ở một số địa phương chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu; năng lực cán bộ y tế tuyến cơ sở còn hạn chế, kiến thức và chuyên môn không được cập nhật, thủ tục hành chính còn rườm rà... Kết quả điều tra cho thấy, để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế trong thời gian tới cần tập trung vào một số vấn đề chính sau đây:

- Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và thái độ của nhân viên y tế (52.0%)
- Cải thiện chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị khám chữa bệnh (46.7%)
- Giảm các yêu cầu về thủ tục hành chính (44.7%)
- Nâng cao trình độ chuyên môn của nhân viên y tế (38.7%)

Vì vậy, để nâng cao, cải thiện chất lượng y tế trong thời gian tới cần quan tâm nâng cao về trình độ chuyên môn, thái độ ứng xử, giao tiếp của đội ngũ y bác sĩ, bên cạnh đó cần đầu tư hơn nữa về trang thiết bị, cơ sở vật chất và giảm các yêu cầu về thủ tục hành chính trong quá trình khám chữa bệnh, nhất là đối với trạm y tế xã và y tế huyện đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn để người dân nói chung và thanh niên nói riêng có thể tiếp cận các dịch vụ khám chữa bệnh một cách thuận lợi và dễ dàng hơn.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Như vậy, bài viết đã bước đầu phác họa và trình bày một số nét khái quát nhất về thực trạng tiếp cận các chính sách đảm bảo đời sống xã hội của thanh niên dân tộc thiểu số (nghiên cứu trường hợp tại Bắc Kạn và Sơn La). Từ những phân tích trên đây, chúng tôi có một số kết luận chính sau:

- Thanh niên tiếp cận thông tin về chính sách đối với thanh niên còn gặp khó khăn nhất định khi chủ yếu tiếp nhận qua kênh thông tin là trụ sở của UBND xã và trụ sở làm việc của cơ quan đoàn thể. Tỷ lệ thanh niên tiếp cận các nguồn thông tin về chính sách liên quan đến thanh niên thông qua các hoạt động tuyên truyền của địa phương như đài báo, tạp chí của địa phương hay các cuộc họp thôn bản,... còn thấp.
- Đa số thanh niên cảm nhận bản thân khó tiếp cận nhất đối với các hoạt động thể dục thể thao, thông tin liên lạc và vui chơi giải trí tại địa phương.
- Trong lĩnh vực giáo dục, ý kiến của thanh niên cho thấy vẫn còn những khó khăn, bất cập trong việc thực hiện chính sách cử tuyển từ phía địa phương và từ phía người được cử đi học; chính sách hỗ trợ học bổng cho học sinh, sinh viên hiện nay cần được xem xét điều chỉnh về mức hỗ trợ.
- Lĩnh vực chăm sóc y tế và chăm sóc sức khỏe đối với thanh niên bao gồm: chăm sóc sức khỏe sinh sản, chăm sóc sức khỏe tiền hôn nhân/hôn nhân cận huyết, vấn đề nguy cơ với sức khỏe và một số vấn đề về cán bộ y tế tại địa phương. Kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn một số vấn đề bất cập về các chính sách chăm sóc sức khỏe cho thanh niên.
- Thanh niên dân tộc thiểu số phải đối mặt với những khó khăn, rào cản trong quá trình tiếp cận giáo dục là: mạng lưới trường lớp, điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học nhiều nơi chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, còn gặp nhiều khó khăn về nguồn lực, kéo dài

qua nhiều giai đoạn nhưng vẫn chưa hoàn thành, nhận thức của người dân về tầm quan trọng của việc đầu tư học tập cho con cái còn hạn chế và một phần cũng do địa hình, khi hậu ở miền núi khắc nghiệt, khó khăn.

Đồng thời chúng tôi cũng xin đề xuất một số kiến nghị sau:

- Cần tăng cường việc cung cấp thông tin về các chủ trương của Đảng, Nhà nước, địa phương về các chính sách đến với thanh niên qua các kênh khác nhau đặc biệt như loa phát thanh của xã, thôn, bản hoặc thông qua các cuộc họp thôn, bản... để thanh niên nắm bắt đầy đủ, kịp thời các chính sách cho thanh niên.
- Tăng cường về số lượng và chất lượng các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, truyền thông thay đổi hành vi, đa dạng hóa các hình thức truyền thông giáo dục trong nhân dân, đặc biệt là các hình thức truyền thông có tính đến yếu tố nhạy cảm văn hóa và nhạy cảm giới.
- Tăng cường công tác giám sát hỗ trợ các trạm y tế, nâng cao thái độ phục vụ, chất lượng khám chữa bệnh, góp phần tạo dựng niềm tin của người dân đối với dịch vụ y tế tuyến xã, góp phần giảm bớt quá tải cho các bệnh viện tuyến trên.
- Tăng cường nội dung và cải thiện chất lượng các hoạt động tư vấn và hướng dẫn kiến thức chăm sóc sức khỏe cho thanh thiếu niên dân tộc thiểu số. Thường xuyên trao đổi, tham gia tập huấn, giám sát để nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ ở tuyến xã, góp phần nâng cao thái độ và trách nhiệm khi cung cấp dịch vụ.

- Chính sách miễn giảm học phí và chính sách vui chơi giải trí là những nhóm chính sách cần được quan tâm đầu tư cho thanh niên dân tộc vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn trong thời gian tới, để thanh niên có thể đảm bảo đời sống và phát triển trong tương lai.
- Đa dạng hóa các hoạt động truyền thông, như lập trạm thu phát sóng truyền thanh cơ sở để cập nhật các thông tin tại cộng đồng.
- Đầu tư hệ thống cơ sở vật chất về giao thông, trạm y tế, trường học,... để thanh niên có thể đi lại thuận tiện, tiếp cận các dịch vụ công được thuận lợi, dễ dàng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Anh (2019), “*Thực trạng chính sách, pháp luật về phân định vùng dân tộc thiểu số và miền núi*”, 25/12/2019 [Trực tuyến]. Địa chỉ: <http://quochoi.vn/viennghiencuulapphap/lapphap/Pages/nguyen-cuu-chuyen-de.aspx?ItemID=223> [Truy cập ngày 18/6/2020].
- [2] Bích Lan (2018), “*Tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số đi học THPT chỉ đạt hơn 41%*”, 23/10/2018 [Trực tuyến]. Địa chỉ: <https://vov.vn/xa-hoi/giao-duc/ty-le-hoc-sinh-dan-toc-thieu-so-di-hoc-thpt-chi-dat-hon-41-829328.vov> [Truy cập ngày 17/5/2020].
- [3] Phạm Thị Thu Trang (2019), “*Thực trạng tiếp cận giáo dục và dạy nghề của người dân tộc thiểu số*”, 03/01/2019 [Trực tuyến]. Địa chỉ: <http://ncif.gov.vn/Pages/NewsDetail.aspx?newid=21111> [Truy cập 17/5/2020].

YOUNG PEOPLE OF ETHNIC MINORITY APPROACHING BASIC SOCIAL SERVICES

Nguyen Tuan Anh

ABSTRACT

Using the questionnaire with 450 ethnic minority youths in Bac Kan and Son La, the article presented an overview of the current situation of access to services and policies to ensure essential social services of young people of ethnic minority areas. The results show that ethnic minority youth currently face many difficulties in accessing services and systems related to health, healthcare, and education. Besides, inadequacies in some policies have also pointed out. These are essential bases to suggest and serve as a scientific basis for policy recommendations to increase support and help ethnic minority youth to make progress and improve their lives.

Keywords: youth, ethnic minority, policies, social service.

Received: 23/05/2020

Revised: 20/06/2020

Accepted for publication: 17/07/2020